Chương 1 - Các tình huống sử dụng ........................................... 7
Tổng quan ................................................................. 7
Cung cấp một Identity and Access Infrastructure (IDA) ............... 7
Bảo đảm an ninh và sự thi hành chính sách ................................ 9
Giảm bớt những rác rưởi trong việc triển khai ............................ 9
Làm cho các server dễ quản lý hơn .................................... 10
Hỗ trợ văn phòng chi nhánh ............................................. 11
Cung cấp sự truy cập ứng dụng tập trung ................................ 12
Triển khai các ứng dụng và dịch vụ Web ................................. 13
Bảo đảm tính khả dụng cao ............................................... 13
Bảo đảm sự lưu trữ an toàn và đáng tin cậy ............................. 14
Tản dụng sự ảo hoá (Virtualization) ..................................... 15

Chương 2 - Windows Server Virtualization .............................. 16
Tổng quan ................................................................. 16
Tại sao các doanh nghiệp thích sự ảo hoá ............................... 16
    Hợp nhất server ..................................................... 17
    Tính liên tục kinh doanh ........................................... 18
    Test và triển khai .................................................. 18
    Tính tương thích ứng dụng ......................................... 18
    Ảo hoá trong datacenter ............................................ 19
Sử ảo hoá ngày nay ..................................................... 19
    Monolithic Hypervisor ............................................. 21
    Microkernelized Hypervisor .................................... 22
Tim hiểu sự ảo hóa trong Windows Server 2008 ....................... 24
    Partition 1: Bỏ ....................................................... 25
    Partition 2: Con với Enlightened Guest ....................... 26
<table>
<thead>
<tr>
<th>Chương 3 - Quản lý Windows Server 2008</th>
<th>38</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tổng quan</td>
<td>38</td>
</tr>
<tr>
<td>Thực hiện những tác vụ cấu hình ban đầu</td>
<td>38</td>
</tr>
<tr>
<td>Sử dụng Server Manager</td>
<td>41</td>
</tr>
<tr>
<td>Quản lý các vai trò server</td>
<td>42</td>
</tr>
<tr>
<td>Từ các chuyên gia: Security Configuration Wizard trong Windows Server 2008</td>
<td>48</td>
</tr>
<tr>
<td>Từ các chuyên gia: Tự động hóa các tác vụ triển khai thông thường với Server ManagerCmd.exe</td>
<td>51</td>
</tr>
<tr>
<td>Remote Server Administration Tools</td>
<td>53</td>
</tr>
<tr>
<td>Những công cụ quản lý khác</td>
<td>56</td>
</tr>
<tr>
<td>Group Policy</td>
<td>56</td>
</tr>
<tr>
<td>Từ các chuyên gia: Những tính năng mới trong Windows Server 2008</td>
<td>56</td>
</tr>
<tr>
<td>Windows Management Instrumentation</td>
<td>60</td>
</tr>
<tr>
<td>Từ các chuyên gia: PowerShell Rocks!</td>
<td>61</td>
</tr>
<tr>
<td>Microsoft System Center</td>
<td>63</td>
</tr>
<tr>
<td>Tóm tắt</td>
<td>63</td>
</tr>
</tbody>
</table>

<table>
<thead>
<tr>
<th>Chương 4 - Quản lý các vai trò server</th>
<th>64</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tổng quan</td>
<td>64</td>
</tr>
<tr>
<td>Tìm hiểu các role, role service, và feature</td>
<td>64</td>
</tr>
<tr>
<td>Các role và role service có sẵn</td>
<td>66</td>
</tr>
<tr>
<td>Thêm các role và tính năng</td>
<td>88</td>
</tr>
<tr>
<td>Sử dụng Initial Configuration Tasks</td>
<td>90</td>
</tr>
<tr>
<td>Chương 5 - Lỗi Windows Server 2008</td>
<td>100</td>
</tr>
<tr>
<td>-------------------------------------</td>
<td>-----</td>
</tr>
<tr>
<td>Tổng quan</td>
<td>100</td>
</tr>
<tr>
<td>Bản cài đặt lỗi Windows Server là gì?</td>
<td>100</td>
</tr>
<tr>
<td>Tìm hiểu lỗi Windows Server</td>
<td>102</td>
</tr>
<tr>
<td>Lý do cần bản cho lỗi Windows server</td>
<td>105</td>
</tr>
<tr>
<td>Thực hiện cấu hình ban đầu của một server lỗi Windows server</td>
<td>108</td>
</tr>
<tr>
<td>Thực hiện cấu hình ban đầu từ dòng lệnh</td>
<td>109</td>
</tr>
<tr>
<td>Từ các chuyên gia: Cấu hình đồ phân giải màn hình</td>
<td>121</td>
</tr>
<tr>
<td>Quản lý một server lỗi Windows server</td>
<td>122</td>
</tr>
<tr>
<td>Quản lý cực bộ từ dòng lệnh</td>
<td>122</td>
</tr>
<tr>
<td>Từ các chuyên gia: Phục vụ lỗi Windows server</td>
<td>129</td>
</tr>
<tr>
<td>Từ các chuyên gia: Những thủ thuật sử dụng Terminal Services với lỗi Windows server</td>
<td>132</td>
</tr>
<tr>
<td>Quản lý từ xa bằng cách sử dụng Remote Server Administration Tools</td>
<td>132</td>
</tr>
<tr>
<td>Quản lý từ xa bằng cách sử dụng Group Policy</td>
<td>133</td>
</tr>
<tr>
<td>Các thủ thuật và mẹo cài đặt lỗi Windows server</td>
<td>135</td>
</tr>
<tr>
<td>Từ các chuyên gia: Máy giới rõ!</td>
<td>139</td>
</tr>
<tr>
<td>Tóm tắt</td>
<td>139</td>
</tr>
</tbody>
</table>

<table>
<thead>
<tr>
<th>Chương 6 - Các cải tiến Active Directory</th>
<th>140</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tổng quan</td>
<td>140</td>
</tr>
<tr>
<td>Tìm hiểu Identity and Access trong Windows Server 2008</td>
<td>140</td>
</tr>
<tr>
<td>Tìm hiểu Identity and Access</td>
<td>140</td>
</tr>
<tr>
<td>Identity and Access trong Windows Server 2008</td>
<td>141</td>
</tr>
<tr>
<td>Active Directory Domain Services</td>
<td>143</td>
</tr>
<tr>
<td>Những cải tiến kiểm toán (auditing) AD DS</td>
<td>143</td>
</tr>
<tr>
<td>Các Read-Only Domain Controller</td>
<td>149</td>
</tr>
<tr>
<td>Từ các chuyên gia: Active Directory Setup Wizard mới (dcpromo.exe)</td>
<td>151</td>
</tr>
<tr>
<td>Restartable AD DS</td>
<td>151</td>
</tr>
<tr>
<td>Các policy password và policy khóa tài khoản</td>
<td>153</td>
</tr>
</tbody>
</table>
Từ các chuyển gia: Các policy password trong Windows Server 2008 ........................................................................ 153
Active Directory Lightweight Directory Services ......................................................................................... 156
Active Directory Certificate Services ......................................................................................................... 161
Những cải tiến Certificate Web Enrollment .............................................................................................. 162
Hỗ trợ Network Device Enrollment Service ............................................................................................. 162
Từ các chuyển gia: Network Device Enrollment Service ................................................................... 162
Hỗ trợ Online Certificate Status Protocol ............................................................................................... 163
Từ các chuyển gia: Online Responder ..................................................................................................... 163
Enterprise PKI và CAPI 2 Diagnostics ....................................................................................................... 164
Từ các chuyển gia: Xử lý các sự cố PKI trên Windows Vista và Windows Server 2008 .................. 165
Những cải tiến AD CS khác ...................................................................................................................... 165
Từ các chuyển gia: Các mẫu chứng nhận V3 ........................................................................................ 166
Từ các chuyển gia: Enrollment Agent giới hạn ...................................................................................... 167
Active Directory Federation Services ......................................................................................................... 167
Từ các chuyển gia: Sử dụng chức năng import/export (nhập/xuất) để tạo sự uy tín liên tiếp một cách hiệu quả hơn ........................................................................................................ 168
Từ các chuyển gia: Giới hạn việc triển khai Federation Service bằng cách sử dụng Group Policy .......................................................................................................................... 169
Từ các chuyển gia: Xử lý các vấn đề thu hồi chứng nhận .................................................................. 170
Active Directory Rights Management Services ......................................................................................... 171
Tóm tắt ................................................................................................................................................... 172

Chương 7 - Những cải tiến Terminal Services ......................................................................................... 173
Tổng quan ................................................................................................................................................ 173
Những cải tiến cơ lõi đổi với Terminal Services .................................................................................. 174
Remote Desktop Connection 6.0 ................................................................................................................ 174
Network Level Authentication và Server Authentication ........................................................................... 175
Terminal Services Easy Print .................................................................................................................... 162
Single Sign-On cho các client được nối kết domain ................................................................................ 182
Từ các chuyển gia: Các cải tiến bộ máy Terminal Services ................................................................ 184
Từ các chuyển gia: Tìm hiểu Console Session ...................................................................................... 185
Các session quản lý từ xa sử dụng /admin ............................................................................................ 187
Các điểm khác biệt giữa Administrative Session và User Session ....................................................... 187
<table>
<thead>
<tr>
<th>Mục lục</th>
<th>Trang</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Thay đổi Administrative Session thành một User Session (hoặc ngược lại)</td>
<td>188</td>
</tr>
<tr>
<td>Cài đặt và quản lý Terminal Services</td>
<td>190</td>
</tr>
<tr>
<td>Tự các chuyên gia: Các xác lập Unattend.xml cho role Terminal Services</td>
<td>191</td>
</tr>
<tr>
<td>Bắt Remote Connections (iDenyTSCollections)</td>
<td>191</td>
</tr>
<tr>
<td>Xác lập User Authentication</td>
<td>191</td>
</tr>
<tr>
<td>Quản lý Terminal Services</td>
<td>196</td>
</tr>
<tr>
<td>Terminal Services RemoteApp</td>
<td>197</td>
</tr>
<tr>
<td>Terminal Services Web Access</td>
<td>205</td>
</tr>
<tr>
<td>Sử dụng TS Web Access</td>
<td>206</td>
</tr>
<tr>
<td>Tự các chuyên gia: Thiết lập nhiều Remote Desktop để TS Web Access phát hiện</td>
<td>210</td>
</tr>
<tr>
<td>Tự các chuyên gia: Thay đổi TS Web Access từ Default Web Site</td>
<td>211</td>
</tr>
<tr>
<td>Terminal Services Gateway</td>
<td>212</td>
</tr>
<tr>
<td>Thực thi TS Gateway</td>
<td>214</td>
</tr>
<tr>
<td>Những ưu điểm của TS gateway</td>
<td>216</td>
</tr>
<tr>
<td>Terminal Services Licensing</td>
<td>216</td>
</tr>
<tr>
<td>Tự nhửn chuyên gia: Cấu hình Terminal Services License Server sau khi cài đặt</td>
<td>217</td>
</tr>
<tr>
<td>Tự các chuyên gia: Sổ thu hồi CAL trên Terminal Services License Server</td>
<td>218</td>
</tr>
<tr>
<td>Những cải tiến Terminal Services khác</td>
<td>219</td>
</tr>
<tr>
<td>Terminal Services WMI Provider</td>
<td>219</td>
</tr>
<tr>
<td>Tự các chuyên gia: Sử dụng TS WMI Provider</td>
<td>220</td>
</tr>
<tr>
<td>Tự các chuyên gia: Giám sát TS Licensing bằng cách sử dụng WMI</td>
<td>222</td>
</tr>
<tr>
<td>Windows System Resource Manger</td>
<td>222</td>
</tr>
<tr>
<td>Terminal Services Session Broker</td>
<td>223</td>
</tr>
<tr>
<td>Tóm tắt</td>
<td>225</td>
</tr>
</tbody>
</table>

**Chương 8 - Những cải tiến Clustering trong Windows Server 2008** | 226   |

| Tổng quan                           | 226   |
| Những cải tiến Failover Clustering  | 227   |
| Tìm hiểu mô hình Quorum mới         | 228   |
| Tìm hiểu những cải tiến về lưu trữ   | 230   |
Chương 9 - Network Access Protection .......................... 254

Tổng quan .................................................. 254

Nhu cầu về Network Access Protection .................................. 254

Tim hiểu Network Access Protection ........................................ 255

Những phương pháp thi hành NAP ........................................... 258

Từ các chuyển gia: HRA Auto Discovery để thi hành Network Access Protection IPSec ............................................. 262

Tim hiểu câu trúc NAP .................................................. 266

Khảo sát các hoạt động của NAP ............................................. 268

Thực thi NAP ....................................................... 270

Chọn các phương pháp thi hành ............................................. 271

Từ các chuyển gia: Hoạch định triển khai Network Access Protection ......................................................... 273

Từ các chuyển gia: Quản lý các ngoại lệ policy NAP ............... 275

Cấu hình Network Policy Server ........................................... 277

Từ các chuyển gia: Phương pháp lập trình để cấu hình NPS bằng cách sử dụng Netsh ........................................ 284

Cấu hình các Client NAP .................................................. 286

Sử lý sự cố NAP ..................................................... 287

Từ các chuyển gia: Chẩn đoán Network Access Protection ........... 287
Từ các chuyên gia: Thi hành NAP IPSec: xử lý sự cố phía Client .......... 291
Từ các chuyên gia: Thi hành NAP IPSec: Xử lý sự cố phía server .......... 293
Kiểm chứng cấu hình server ........................................ 294
Từ các chuyên gia: Gỡ rối việc thi hành NAP 802.1x bằng cách sử dụng quyền xử lý sự cố phía client .......... 298
Từ các chuyên gia: Xử lý sự cố server Network Policy cho NAP dựa vào 802.1x PEAP .......... 301
Thu nhập thông tin .................................................... 301

Chương 10 - Internet Information Services 7.0 ............ 306
Tổng quan .......................................................... 306
Tim hiểu những cải tiến IIS 7.0 ........................................ 306
An ninh và patch ...................................................... 307
Từ các chuyên gia: Windows Process Activation Services (WPAS) ............ 312
Từ các chuyên gia: Thay đổi user mặc định với IIS ........................................ 313
Từ các chuyên gia: Sử dụng URLScan trong IIS 7.0 ? .................. 314
Administration Tools ................................................. 316
IIS Mnager .............................................................. 316
Từ các chuyên gia: Cấu hình một tính năng URL trong IIS 7.0 ............. 319
Từ các chuyên gia: Vẽ iisreset trong IIS 7.0 ....................................... 322
Windows PowerShell .................................................. 323
Từ các chuyên gia: IIS Managed SDK bên trong PowerShell ................. 323
Remote Management .................................................. 324
WMI Provider ............................................................ 325
IIS 7.0 API .............................................................. 325
Từ các chuyên gia: IIS 7.0 Administration API .................................. 325
Cấu hình và triển khai ................................................. 326
Từ các chuyên gia: Cấu hình IIS 7.0 ........................................... 328
Từ các chuyên gia: Xem và biên tập các file cấu hình cấp server .......... 329
Chuẩn đoán (Diagnostics) ............................................. 330
Từ các chuyên gia: Các chi tiết đăng sau những điều kiện kích khởi Failed Request Tracing .......... 331
Từ các chuyên gia: Các file log Failed Request Tracing của tôi nấm ở đâu? ........ 332
Từ các chuyên gia: Failed Request Tracing sẽ không đón bất những điều kiện nào? .... 333
Khả năng mở rộng .......................................................... 334
Từ các chuyên gia: đưa những ứng dụng ASP.NET lên tầm cao mới với IIS 7.0 .......................................................... 334
Những tính năng mới của IIS 7.0 trong Windows Server 2008 ............ 335
Cô lập Application Pool (bộ chứa ứng dụng) cải tiến ..................... 335
Cấu hình Web farm tập trung ............................................. 335
Quản lý từ xa được ủy quyền ........................................ 336
Hỗ trợ FastCGI cho PHP và những ngôn ngữ khác ...................... 336
Server FTP hiện đại với FTP/SSL ....................................... 336
Khả năng mở rộng Schema nâng cao ....................................... 337
Role Application Server ..................................................... 337
Từ các chuyên gia: PowerShell như là một công cụ đa năng để quản lý các Application Server ........................................... 339
Tóm tắt ................................................................. 340

Chương 11 - Những tính năng và cải tiến khác ...................... 341
Tổng quan ................................................................. 341
Những cải tiến lưu trữ .................................................. 341
File Server Role .......................................................... 342
Windows Server Backup ................................................. 344
Storage Explorer .......................................................... 348
SMB 2.0 ................................................................. 350
Từ các chuyên gia: hỗ trợ multipathing để đạt được tính khả dụng cao ... 351
Thêm sự hỗ trợ MPIO .................................................. 354
iSCSI Initiator ............................................................ 355
Từ các chuyên gia: Hỗ trợ SAN iSCSI ................................ 355
Những vấn đề cần xem xét về hiệu suất .................................. 357
Những vấn đề cần xem xét về an ninh .................................. 358
Những cách nối mạng tốt nhất ........................................... 358
Những sự cố nối mạng thông thường ....................................... 359
Những vấn đề về hiệu suất ............................................. 360
Performance Monitor/System Monitor ................................... 360
Khởi động từ xa iSCSI .................................................. 362
Từ các chuyên gia: Khởi động Windows Server 2008 từ SAN .......... 363
Mục lục

Các phương pháp cài đặt .................................................................................. 364
Cài đặt sang một LUN khối đồng iSCSI .......................................................... 364
ISNS Server ...................................................................................................... 365
Từ các chuyên gia: iSCSI Server ................................................................... 366
Các cài tiền nối mạng ........................................................................................ 367
Từ các chuyên gia: Hỗ trợ DHCPv6 trong Windows Vista và Windows Server 2008 .......................................................... 367
Từ các chuyên gia: Secure Socket Tunneling Protocol? ............................... 369
Từ các chuyên gia: Secure Socket Tunneling Protocol hoạt động như thế nào? ..................................................................................................................... 371
Những cài tiền an ninh cho Windows Server ................................................ 372
Từ các chuyên gia: Cài tiền BitLocker trên Windows Server 2008 ............ 373
Từ các chuyên gia: Những cài tiền đối với Crypto Next Generation trong Windows Server 2008 .............................................................. 374
Từ các chuyên gia: Owner Access Restriction ............................................... 375
Từ các chuyên gia: Những cài tiền Auditing trong Windows Server 2008 . 376
Những cài tiền khác ........................................................................................ 380
Từ các chuyên gia: Chế độ Public và Private trong Windows Fax Server 380
Từ các chuyên gia: Mô hình tài khoản (Accounts) trong Windows Server Fax Server ................................................................................................................. 382
Từ các chuyên gia: Hỗ trợ driver màn hình trong Windows Server 2008 .. 383

Chương 12 - Triển khai Windows Server 2008................................. 386
Tổng quan .......................................................................................................... 386
Cách để có được Windows Server 2008 .......................................................... 386
Cài đặt Windows Server 2008 ....................................................................... 387
Cài đặt thủ công ............................................................................................... 388
Cài đặt tự động ................................................................................................. 388
Sử dụng Windows Deployment Services ...................................................... 389
Triển khai Multicast ......................................................................................... 390
Từ các chuyên gia: Sử dụng các Profile mạng tùy ý với WDS Multicast 391
Các tham số thông thường để điều chỉnh .................................................................. 391
TFTP Windowing ............................................................................................ 392
Từ các chuyên gia: Sử dụng TFTP Windowing với Server WDS TFTP để nâng cao hiệu suất ............................................................. 393
<table>
<thead>
<tr>
<th>Topic</th>
<th>Page</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>TFTP trong Windows Server 2003</td>
<td>394</td>
</tr>
<tr>
<td>Hỗ trợ khởi động mạng EFI x64</td>
<td>395</td>
</tr>
<tr>
<td>Từ các chuyên gia: Nâng cấp server RIS cũ lên một Server WDS Windows Server 2008</td>
<td>396</td>
</tr>
<tr>
<td>Solution Accelerator for Windows Server Deployment</td>
<td>397</td>
</tr>
<tr>
<td>Tìm hiểu Volume Activation 2.0</td>
<td>397</td>
</tr>
<tr>
<td>Từ các chuyên gia: Volume Activation 2.0 và Windows Server 2008</td>
<td>398</td>
</tr>
<tr>
<td>Các chiến lược triển khai KMS</td>
<td>404</td>
</tr>
<tr>
<td>Tóm tắt</td>
<td>406</td>
</tr>
</tbody>
</table>